|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-1 |
| Use Case Name | Đăng nhập |
| Description | Chức năng này mô tả nhân viên hoặc admin đăng nhập vào hệ thống để thực hiện các chức năng tương ứng |
| Actor(s) | Nhân viên, Khách hàng |
| Pre-Condition(s): | * Tài khoản người dùng được tạo sẵn * Tài khoản người dùng đã được phân quyền * Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet khi thực hiện đăng nhập |
| Post-Condition(s): | * Người dùng đăng nhập hệ thống thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập hệ thống  2. Người dùng chọn chức năng đăng nhập  3. Người dùng nhập tài khoản đăng nhập  4. Người dùng xác nhận đăng nhập  5. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập thành công và cho phép người dùng truy cập hệ thống |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 5a. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập không thành công và hiển thị thông báo  5a1. Người dùng chọn lệnh hủy đăng nhập *Use Case dừng lại*  5a2. Người dùng đăng nhập lại *Use Case quay lại bước 3*  5a3. Người dùng chọn lệnh quên mật khẩu  5a3a. Hệ thống hiện bảng hướng dẫn lấy lại mật khẩu |
| Business Rules | BR1: |
| Non-Functional Requirement | NFR1-1: Mật khẩu của người phải được hash bằng MD5 |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-2 |
| Use Case Name | Đăng ký |
| Description | Chức năng này cho phép người dùng (khách hàng) tạo tài khoản và có thể thực hiện các chức năng khi không có tài khoản |
| Actor(s) | Khách hàng |
| Pre-Condition(s): | * Tài khoản người dùng chưa tồn tại trong cở sở dữ liệu * Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet khi thực hiện đăng ký |
| Post-Condition(s): | * Người dùng đăng ký tài khoản thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập hệ thống  2. Người dùng chọn chức năng đăng ký  3. Người dùng nhập thông tin đăng ký  4. Người dùng xác nhận đăng ký  5. Hệ thống ghi nhận lại thông tin đăng ký và quay trở lại trang chủ |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 4a. Hệ thống xác thực thông tin đăng ký không thành công và hiển thị thông báo  4a1. Người dùng chọn lệnh hủy đăng ký *Use Case dừng lại*  4a2. Người dùng đăng ký lại *Use Case quay lại bước 3* |
| Business Rules | BR1: |
| Non-Functional Requirement | NFR1-1: Mật khẩu của người phải được hash bằng MD5 |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-3 |
| Use Case Name | Đăng xuất |
| Description | Chức năng này cho phép người dùng (khách hàng) đăng xuất tài khoản khỏi hệ thống |
| Actor(s) | Khách hàng |
| Pre-Condition(s): | * Tài khoản người dùng chưa tồn tại trong cở sở dữ liệu * Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet khi thực hiện đăng ký |
| Post-Condition(s): | * Người dùng đăng ký tài khoản thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập hệ thống  2. Người dùng chọn chức năng đăng ký  3. Người dùng nhập thông tin đăng ký  4. Người dùng xác nhận đăng ký  5. Hệ thống ghi nhận lại thông tin đăng ký và quay trở lại trang chủ |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 4a. Hệ thống xác thực thông tin đăng ký không thành công và hiển thị thông báo  4a1. Người dùng chọn lệnh hủy đăng ký *Use Case dừng lại*  4a2. Người dùng đăng ký lại *Use Case quay lại bước 3* |
| Business Rules | BR1: |
| Non-Functional Requirement | NFR1-1: Mật khẩu của người phải được hash bằng MD5 |